

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-PT
Ngày: 06-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác
kinh doanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Võ Việt Minh

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Thông báo số 63/TB-TA ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Chăn nuôi CCS

Địa chỉ: số 36 TQĐ, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức A – Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; Địa chỉ: số 74/5/46 đường số C, phường M, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Trại giam TĐ

Địa chỉ: xã TĐ, huyện HT, tỉnh BT.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đình K – Phó Giám thị, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Công ty TNHH Chăn nuôi CCS.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS - ông Nguyễn Đức A trình bày:

Vào ngày 25/9/2013, Công ty TNHH Chăn nuôi CCS (sau đây gọi tắt là Công ty CCS) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD với Trại giam TĐ. Theo hợp đồng, Công ty CCS cung cấp các mặt hàng cho Trại giam TĐ với thời hạn là 10 năm, có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/10/2023. Đồng thời, Công ty CCS đầu tư xây dựng một công trình nhà hàng, siêu thị trên đất của Trại giam TĐ để phục vụ cho việc cung cấp hàng hóa, công trình này sau khi hết thời hạn hợp đồng sẽ được bàn giao lại cho Trại giam TĐ mà Công ty CCS không được bồi hoàn. Ngoài ra, hàng tháng Công ty CCS phải trích lại cho Trại giam TĐ 5% trên tổng số doanh số bán hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 13/3/2018, Trại giam TĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng không thông báo cho Công ty CCS lý do. Công ty CCS cho rằng Trại giam TĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng số 001/HĐHTKD mà hai bên đã ký kết ngày 25/9/2013 đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty. Vì vậy, Công ty CCS khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Trại giam TĐ bồi thường thiệt hại 66 tháng còn lại của hợp đồng số 001/HĐHTKD (tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/10/2023) là 16.170.000.000 đồng; bồi hoàn giá trị còn lại của công trình nhà hàng, siêu thị đã xây dựng là 3.675.424.500 đồng và hoàn trả lại 4% doanh thu đã chuyển cho Trại giam TĐ là 8.640.000.000 đồng/54 tháng đã hoạt động.

Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty CCS thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Trại giam TĐ bồi thường thiệt hại 66 tháng còn lại của hợp đồng số 001/HĐHTKD là 18.480.000.000 đồng và bồi hoàn giá trị còn lại của công trình nhà hàng, siêu thị đã xây dựng là 3.675.424.500 đồng; không yêu cầu Trại giam TĐ hoàn trả lại 4% doanh thu đã chuyển cho Trại giam TĐ là 8.640.000.000 đồng/54 tháng đã hoạt động.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Trại giam TĐ trình bày:

Việc giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD lập ngày 25/9/2013 giữa Trại giam TĐ và Công ty CCS là đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, đầu năm 2018, Trại giam TĐ xác định việc ký kết hợp đồng này là vi phạm quy định của Tổng Cục VIII, Bộ Công an về hướng dẫn tổ chức hoạt động căng tin trong trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc và trường giáo dưỡng, cụ thể việc hợp tác này đã vi phạm Hướng dẫn số 603/HD-C81-C86 ngày 17/4/2018 và Quy định số 851/QĐ-C81 ngày 10/4/2012 của Tổng Cục VIII, hoạt động bán hàng căng tin cho phạm nhân mang tính chất phục vụ, không tổ chức đấu thầu, giao khoán dưới bất kỳ hình thức nào. Mặt khác, giá bán mà Công ty CCS phân phối tại đơn vị cao hơn giá bán lẻ tại địa phương; Việc giao hàng thường xuyên bị chậm trễ, không đúng số lượng, chủng loại mà Trại giam TĐ yêu cầu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhu cầu thiết yếu của phạm nhân. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty CCS còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của đơn vị do không thanh toán đầy đủ cho tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa đầu vào, dẫn đến nhiều đơn, thư khiếu nại được gửi đến Ban Giám thị đơn vị. Do đó, Trại giam TĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CCS. Vì vậy, Trại giam TĐ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty CCS. Nếu hai bên hòa giải thành, Trại giam TĐ sẽ nhận công trình nhà hàng, siêu thị và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị là 1.837.712.250 đồng; nếu không thỏa thuận được, đề nghị Công ty CCS tháo dỡ công trình, trả lại hiện trạng đất cho Trại giam.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 121, Điều 128, Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005;
- Khoản 3 Điều 6; khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước năm 2008;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS.

1. Hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD ngày 25/9/2013 giữa Trại giam TĐ và Công ty TNHH Chăn nuôi CCS.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 66 tháng còn lại của hợp đồng số 001/HĐHTKD là 18.480.000.000đồng của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS;

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS về việc Trại giam TĐ phải thanh toán lại trị giá nhà hàng, siêu thị; buộc Trại giam TĐ phải thanh toán cho Công ty TNHH Chăn nuôi CCS số tiền 3.675.424.500đồng.

Trại giam TĐ được quyền sở hữu số tài sản là: Nhà hàng tiệc cưới, siêu thị; máy lạnh; nhà kho; nhà lễ tân; mái che + nền; nhà xe; nhà ở nhân viên; nhà vệ sinh; Đài nước; sân nền; 16 cây bàng Đài Loan; 08 cây Sa La tọa lạc trên đất mà Trại giam TĐ quản lý tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại lợi nhuận trong 66 tháng còn lại của hợp đồng là 18.480.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

- Bị đơn đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền bồi thường thiệt hại lợi nhuận trong 66 tháng còn lại của hợp đồng là 18.480.000.000đồng là có căn cứ, nhưng tuyên hủy hợp đồng là không đúng quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005, trường hợp này đã vi phạm điều cấm của luật nên cần phải tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn; áp dụng khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm đối với phần quyết định tuyên hủy hợp đồng theo hướng tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD ngày 25/9/2013 giữa Trại giam TĐ và Công ty TNHH Chăn nuôi CCS vô hiệu. Các

phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên và bị đơn đều thừa nhận: Vào ngày 25/9/2013, hai bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD, với nội dung Công ty CCS cung cấp các mặt hàng cho Trại giam TĐ với thời hạn 10 năm, có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/10/2023; Công ty CCS đầu tư xây dựng một công trình nhà hàng, siêu thị trên 500m² đất (chưa bao gồm khuôn viên sân) của Trại giam TĐ để phục vụ cho việc cung cấp hàng hóa, công trình này sau khi hết thời hạn hợp đồng sẽ bàn giao cho Trại giam TĐ mà Công ty CCS sẽ không được bồi hoàn. Đồng thời, hàng tháng Công ty CCS phải trích lại cho Trại giam TĐ 5% trên tổng số doanh thu bán hàng. Hai bên thực hiện hợp đồng đến tháng 3/2018 thì Trại giam TĐ không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

[2] Xét nội dung thỏa thuận trong hợp đồng được ký kết giữa hai bên, nhận thấy:

[2.1] Theo Điều 16 Luật Thi hành án hình sự năm 2010 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trại giam thì Trại giam TĐ không có chức năng kinh doanh, không được phép kinh doanh. Diện tích đất Trại giam TĐ được cơ quan có thẩm quyền giao thuộc loại đất sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng, nên Trại giam TĐ không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, *góp vốn* bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 89 và Điều 109 Luật đất đai năm 2003. Vì vậy, việc Trại giam TĐ ký hợp đồng hợp tác kinh doanh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và cho phép Công ty CCS xây dựng công trình nhà hàng, siêu thị trên đất được giao để kinh doanh và hưởng phần trăm trên doanh thu bán hàng hàng tháng là sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích, là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 3 Điều 6, Điều 16 Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008.

[2.2] Ngoài ra, theo hợp đồng hai bên ký kết thì Công ty CCS độc quyền cung cấp hàng hóa cho các căng tin của Trại giam TĐ, Trại giam TĐ có nghĩa vụ cấm tất cả các căng tin của Trại giam TĐ mua hàng hóa của các cơ sở khác; Qua đó, Trại giam TĐ được hưởng phần trăm trên doanh thu bán hàng hàng tháng là trái với nguyên tắc hoạt động của căng tin trong Trại giam với mục đích phục vụ là chính, theo Quy định số 851/QyĐ-C81 ngày 10/4/2012 của Tổng cục Cảnh sát Thi hành án

hình sự và Hỗ trợ tư pháp, về việc tổ chức hoạt động căng tin trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

[3] Như vậy, việc Trại giam TĐ và Công ty CCS ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung thỏa thuận trên là vi phạm điều cấm của luật, nên hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng lại tuyên hủy hợp đồng là không đúng quy định.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nguyên đơn, hai bên thực hiện hợp đồng đến tháng 3/2018 thì Trại giam TĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng, nên Công ty CCS yêu cầu Tòa án buộc Trại giam TĐ bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng gồm các khoản: Lợi nhuận ròng 66 tháng tính từ ngày 01/4/2018 đến thời hạn kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận ngày 01/10/2023 là 18.480.000.000đồng và bồi hoàn giá trị còn lại của công trình nhà hàng, siêu thị đã xây dựng là 3.675.424.500đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường khoản lợi nhuận 18.480.000.000đồng theo yêu cầu của Công ty CCS là hoàn toàn có căn cứ. Bởi:

[4.1] Hợp đồng được ký kết giữa hai bên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật như đã phân tích trên, nên theo quy định tại Điều 137, khoản 1 Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005 thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập; Trại giam TĐ không tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh là đúng quy định.

[4.2] Mặt khác, theo hợp đồng thì việc cung cấp hàng hóa của Công ty CCS cho Trại giam TĐ trên cơ sở đặt hàng theo từng đơn đặt hàng của Trại giam TĐ, tức có đặt hàng thì khả năng mới phát sinh lợi nhuận. Vì vậy, không có cơ sở để khẳng định trung bình một tháng Công ty CCS lợi nhuận 12% trên doanh thu trung bình tạm tính trước thuế 3.500.000.000đồng/tháng, sau khi chi cho Trại giam TĐ 5% thì thiệt hại lợi nhuận là 7%/tháng x 3.500.000.000đồng = 245.000.000đồng/tháng như nguyên đơn yêu cầu.

[4.3] Ngoài ra, theo thừa nhận của người đại diện hợp pháp của Công ty CCS thì khi phát hiện ra việc ký hợp đồng hợp tác kinh doanh là vi phạm pháp luật, Trại giam TĐ đã thông báo cho Công ty CCS tại cuộc họp ngày 28/02/2018, đến hết tháng 3/2018 Trại giam TĐ mới không tiếp tục đặt hàng của Công ty CCS.

[5] Từ nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuy không tuyên bố hợp đồng vô hiệu, nhưng cũng đã giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo yêu cầu của nguyên đơn, xác định lợi nhuận trong 66 tháng còn lại của hợp đồng tính từ ngày Trại giam TĐ không tiếp tục đặt hàng đến thời hạn kết thúc hợp đồng ngày 01/10/2023 theo cách tính của Công ty CCS với số tiền 18.480.000.000đồng không phải là thiệt hại do hợp đồng vô hiệu, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của

nguyên đơn là hoàn toàn đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ cần sửa cách tuyên án trong phần quyết định của bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật, như ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Đối với khoản lợi nhuận Trại giam TĐ nhận được, theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền này đã được Trại giam TĐ quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Công ty CCS không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Áp dụng: Điều 89, Điều 109 Luật đất đai năm 2003; Khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước năm 2008; Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137 và khoản 1 Điều 410 Bộ luật dân sự 2005;

Tuyên xử:

- Tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD ngày 25/9/2013 giữa Trại giam TĐ và Công ty TNHH Chăn nuôi CCS vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Chăn nuôi CCS về việc buộc Trại giam TĐ bồi thường thiệt hại lợi nhuận 66 tháng còn lại của hợp đồng số 001/HĐHTKD ngày 25/9/2013 với số tiền là 18.480.000.000đồng (*Mười tám tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Buộc Công ty TNHH Chăn nuôi CCS phải chịu 126.480.000đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 62.085.000đồng (*Sáu mươi hai triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024573 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân; Công ty TNHH

Chăn nuôi CCS còn phải nộp 64.395.000đồng (*Sáu mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Trại giam TĐ phải chịu 105.508.490đồng (*Một trăm lẻ năm triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm chín mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH Chăn nuôi CCS 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029059 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.Tân;
- VKSND huyện H.Tân;
- Chi cục THADS huyện H.Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái